

MIẾU QUAN ĐẾ BIÊN HOÀ (CHÙA ÔNG, THẤT PHỦ CỔ MIẾU) MỘT SỐ PHÁT HIỆN MỚI QUA ĐỐI CHIẾU CÁC THƯ TỊCH CỔ

■ LÊ NGỌC QUỐC (*)

Theo thư tịch cổ đã ghi nhận: Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định vào năm 1698 thì trước đó vào năm 1679, đô đốc Trần Thượng Xuyên đã vâng mệnh Chúa Nguyễn, đem quân bản bộ vào kinh dinh xứ Bàn Lân (Biên Hoà ngày nay) ^[1].

Thưở ấy, tại một cù lao lớn trên sông xứ Bàn Lân (nay là cù lao Phố), tổng binh họ Trần đã cho khai thác trên quy mô lớn: mở mang đất đai, lập thành phố chợ, xây dựng đường sá, cầu đò, bến cảng, kho bãi, tửu điểm, khách sạn... Kêu gọi thương nhân Trung Hoa, người Tây, người Nhật, người Chà Và... các nơi đến mua bán giao thương. Chẳng bao lâu, dưới sự quản lý, tổ chức linh hoạt; đô đốc Trần Thượng Xuyên cùng các lưu dân đã biến vùng đất hoang sơ trở thành thương cảng, trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế của cả vùng Đồng Nai, Gia Định.

Lưu dân người Hoa đi tới đâu, họ cũng mang theo tín ngưỡng thờ Quan Công và xem Quan Công là một trong ba vị thần tối thượng cùng với Ma Tổ (Thiên Hậu Thánh Mẫu) và Phúc Đức Chánh Thần trong đời sống tinh thần của họ. Sau khi ổn định ở vùng đất mới, họ cùng nhau tạo dựng miếu thờ Quan Công (Quan Đế miếu).

1. Đôi nét về miếu Quan Đế Biên Hoà

Địa chỉ Miếu: số 48 Đặng Đại Độ, phường Hiệp Hoà, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Thất Phủ cổ miếu, tên gốc là Quan Đế miếu, tạo dựng vào năm 1684 tại Cù lao Phố, là cơ sở văn xã đầu tiên của cộng đồng người Hoa ở nam bộ. Chính vì vậy nên việc tìm hiểu về di tích này là một đóng góp quan trọng cho việc tìm hiểu lịch sử quá trình hình thành và phát triển văn hoá của vùng đất nam bộ ^[2].

Thất phủ cổ miếu ngày nay tọa lạc trên một thế đất đẹp phía tả ngạn sông Đồng Nai; rộng gần 3.000m², được ngăn cách với bên ngoài bởi vòng tường gạch. Mặt tiền miếu hướng tây nam nhìn ra sông lớn. Tất cả đã tạo cho ngôi miếu một quang cảnh thoáng mát, nên thơ nhưng cũng thật thâm u, cổ kính. Miếu có 3 cổng ra vào, cổng chính nhìn ra sông Đồng Nai xây theo lối tam quan, biển cổng khắc chữ Hán 七府古廟 - Thất Phủ Cổ Miếu. Một cổng phụ biển đề chữ Hán 七府五行廟 - Thất phủ Ngũ Hành Miếu, ở mặt tường bên phải sân miếu, cổng phụ còn lại biển đề 七府觀音殿 - Thất Phủ Quan Âm Điện ^[2].

2. Miếu Quan Đế qua các tư liệu lịch sử

2.1 Phủ Biên tạp lục

Theo sách *Phủ Biên Tạp Lục* biên soạn năm 1776 có ghi chép tổng hợp về Đàng Trong nguồn đa số từ thư tịch trong tàng thư ở Phú Xuân.

Trong mục thuế đò, phủ Gia Định có ghi chép:

1/ *Tuần Đồng Tranh thuộc Phủ Gia Định: thuế 35 quan 5 tiền.*

2/ *Chợ Lạch Cát: thuế 81 quan.*

3/ *Đò Điện Quan Đế: thuế 373 quan.*

4/ *Đò dọc từ An Lâm đến Sài Côn: thuế 89 quan.*

5/ *Đò chợ Đồng Nai: thuế 60 quan.*

6/ *Đò nhỏ Lò Giáy: thuế 55 quan.*

7/ *Đò chợ Dinh cũ: thuế 30 quan 2 tiền* ¹

Như vậy trước năm 1775, thời điểm Thuận Hóa – Phú Xuân bị Chúa Trịnh chiếm, ở khu vực quanh Cù lao Phố có 3 bến đò, 1 chợ được triều đình lập sổ bộ đánh thuế:

(*) Số 4 đường D7, Khu dân cư Bửu Long, khu phố 1, phường Bửu Long, TP.Biên Hòa, Đồng Nai - SĐT: 0903906956 - Email: lengocquoc.hungle@gmail.com

- Chợ Lạch (Rạch) Cát (nay là khu vực đầu cầu Hiệp Hòa).

- Bến đò điện Quan Đế (nay là khu vực giữa Chùa Ông - cầu Gành).

- Bến đò chợ Lò Giấy (nay là khu vực bến nước sau đồn công an phường Bửu Hòa).

- Đò dọc từ An Lâm (*) đến Sài Côn: thuế 89 quan.

So sánh các địa phương khác trong phủ Gia Định lúc bấy giờ:

- Thuế 3 sở : chợ Phú Lâm, chợ Lò Luyện, chợ Quán Bình Khang ở Sài Côn (vùng Chợ Lớn ngày nay): 110 quan.

- Đò Sài Côn (vùng Chợ Lớn ngày nay): 178 quan.

- Đò Rạch Cát (vùng Chợ Lớn ngày nay): 78 quan¹.

So với số tiền thuế hàng năm của chợ và đò ở khu đô thị cổ Hội An ghi chép trong chương này thấp hơn ở Cù Lao Phố:

- Đò Thanh Hà (ở Hội An): 190 quan 5 tiền.

- Chợ Hội An: 49 quan².

Có thể thấy rằng: **bến đò điện Quan Đế** (Nông Nại đại Phố) thuế năm là 373 quan. Đây là mức thuế cao nhất phủ Gia Định, hơn Hội An, Đà Nẵng và ngang tầm 2 bến đò ở Huế là Phú Xuân Thượng, Phú Xuân Hạ (2 bến này, thuế năm là 684 quan)³.

Vì thế trong Đại Nam nhất thống chí đã mô tả sự hưng thịnh của Cù Lao Phố lúc bấy giờ: “...Trần Thượng Xuyên chiêu nạp được người buôn nhà Thanh, xây dựng phố chợ đường xá, nhà ngói lâu đài san sát ở trên bờ sông, nối liền năm dặm, chia thành ra ba đường phố: Đường phố lớn, giữa phố lát đá trắng, đường ngang lát đá ong, đường nhỏ lát đá xanh, đường rộng bằng phẳng, người buôn tụ tập đông đúc, tàu biển, ghe sông đến đầu neo chen lấn lẫn nhau, còn những nhà buôn to lớn ở đây là nhiều hơn hết, làm thành một chốn đại đô hội...”⁴

2.2 Hoàng Việt nhất thống dư địa chí

Hoàng Việt nhất thống dư địa chí biên soạn năm 1806, là bộ sách ghi chép tường tận về hệ thống giao

thông đường bộ lẫn đường thủy của nước ta đầu thế kỷ 19. Trong quyển II, mục Đường trạm bộ và thủy dinh Trấn Biên - Phụ chép về đường bộ có đoạn:

“...Hai bên đều là ruộng vườn, dân cư thừa thớt, chuyên trồng dâu và mía, đến lỵ sở dinh Trấn Biên, thuộc địa phận thôn Tân Lâm, tổng Tân Chánh, huyện Phước Long. 52 tằm [1 tằm khoảng 1.8~ 2.3 thước tây], hai bên là nhà quan và trại quân, dân cư đông đúc, đến chợ thôn Tân Lâm [chợ Biên Hoà ngày nay], tục gọi là chợ Bàn Săng, chợ này có quán xá rất đông đúc, có rất nhiều người buôn bán.

728 tằm, hai bên đường là nhà quan và trại quân, dân cư đông đúc đến bến đò Phước Lư, sông rộng 80 tằm, tục gọi là bến đò Rạch Cát. Nước ở đây ngọt, khi nước lên sâu 5 tằm, nước xuống sâu 4 tằm, rồi qua bến Cù Lao Phố, ngày trước ở đây có cầu bắc ngang, cửa nhà phố xá của cư dân đều lợp ngói san sát nhau, đến thời Tây Sơn dân cư chạy tán loạn, chỉ còn lại ruộng vườn.

90 tằm, hai bên đường là nhà tranh nhà ngói xen nhau, dân cư rất trù mật, đến bến đò, sông rộng 164 tằm, tục gọi là sông Đồng Nai, bến đò tục gọi là bến đò Cù Lao Phố^(*). Nước sông này vào mùa xuân hè có nắng to thì trong và ngọt, đến mùa thu đông do mưa lụt nên hơi đục, khi nước lên thì sâu 5 tằm, nước xuống thì sâu 4 tằm. Thượng lưu sông này tức đầu suối Ba Can, hạ lưu tức ngã ba Nhà Bè, đến chợ thôn Bình Tiên, tục gọi là chợ Lò Giấy, thời Tây Sơn có đồn đóng ở đây, nên còn gọi là Chợ Đồn, chợ này có quán xá rất đông đúc...”⁵

Trong quyển VII ghi chép về dinh Trấn Biên, ghi chép hướng từ trước cửa trấn thành xuôi về hướng hạ lưu sông lớn [sông Đồng Nai]:

“...Bên trái sông lớn có cồn tức Cù Lao Phố, cồn dài 1.580 tằm, bề ngang 1.070 tằm, ở đây đường phố và nhà ngói liền nhau, tàu buôn đậu kín bến, đến thời Tây Sơn thì nơi này trở thành ruộng vườn.

50 tằm, hai bên bờ đều có ruộng vườn và dân cư nhưng thừa thớt, đến bến đò chợ thôn Bình Tiên [nay là Bình Long- Bửu Hoà], sông rộng 168 tằm, khi nước lên sông sâu 5 tằm, nước xuống sâu 4 tằm, tục gọi là chợ Lò Giấy, từ khi Tây Sơn đóng đồn ở đây, thì đổi tên là bến đò Chợ Đồn, chợ có quán xá đông đúc, có đò ngang đưa qua Cù Lao Phố...”⁶

1. Lê Quý Đôn, *Phủ Biên Tạp Lục*. Bản dịch Nguyễn Khắc Thuần, Nxb Giáo Dục năm 2008 sdd, tr.36.

2. Lê Quý Đôn - *Phủ Biên Tạp Lục*. Bản dịch Nguyễn Khắc Thuần - Nxb Giáo Dục năm 2008 sdd, tr.32.

(*) Đò dọc An Lâm hiện nay thuộc khu vực bến đò Kho từ Cù Lao Phố qua phường Bình Đa, tp Biên Hoà (Cù Lao Phố Lịch Sử và văn hoá- Bảo Tàng Đồng Nai, Nxb Đồng Nai 1998.

3. Lê Quý Đôn - *Phủ Biên Tạp Lục*. Bản dịch Nguyễn Khắc Thuần, Nxb Giáo Dục năm 2008 sdd, tr.31.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí (tập 2)*, Bản dịch Hoàng Văn Lâu dịch, Nxb Lao động, Hà Nội 2012, tr.1648

5. Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Phan Đăng dịch Nxb NXB Thuận Hoá 2005 tr. 87.

6. Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Phan Đăng dịch Nxb NXB Thuận Hoá 2005, tr. 300.

Tra cứu phần các bến đò ở Trấn Biên trong 2 tài liệu Phủ Biên Tạp Lục (1776) và Hoàng Việt nhất thống dư địa chí (1806), chúng tôi cho rằng bến đò ngang từ bến đò Chợ Đồn [bến đò chợ Lò Giấy] qua Cù Lao Phố có tên là *bến đò Cù Lao Phố*; đây chính là bến đò Điện Quan Đế trong ghi chép của Phủ Biên Tạp Lục.

2.3 Gia Định thành thông chí

Gia Định thành thông chí là một quyển địa chí do Trịnh Hoài Đức (1765-1825) biên soạn. Sách viết về vùng đất Gia Định (khoảng năm 1820), đây là một sử liệu quan trọng về Nam Bộ thời nhà Nguyễn.

Trong quyển 6 - Thành Trì chí, mục Miếu Quan Đế chép:

“*Nằm về phía nam cù lao Đại Phố, phía đông ngã ba đường, mặt trông ra Phước Giang, điện vũ nguy nga, tượng đắp cao hơn một trượng, phía sau là điện quán Quan Âm, phía ngoài có tường gạch bao quanh, bốn góc có 4 con lân bằng đá ngồi xôm* ⁽⁷⁾. *Cùng với hội quán Phúc Châu đầu phía tây đường lớn và hội quán Quảng Đông ở dưới phía đông là 3 cái đền lớn. Từ loạn Tây Sơn nhân dân ly tán, 2 đền kia bị hoang phế, duy miếu này là của chung phố nên riêng được giữ gìn tồn tại. Nhưng đến mùa thu năm Kỷ Mùi (1799) Thế Tổ Cao Hoàng thứ 22 [Nguyễn Ánh lên ngôi Chúa tại Gia Định năm 1778], ở Trấn Biên có lụt lớn, tượng bị nước ngâm rã mà ruộng cọt và mái ngói trải lâu năm nên cũng đã hư mục. Năm Đinh Sửu (1817) niên hiệu Gia Long thứ 16, người làng hợp bàn trùng tu nhưng không đủ sức, nhờ tôi thần đây, đứng ra làm chủ việc ấy, vì cho thần là người sở tại của bản quán này. Ban đầu tôi thần cũng vì người mà miễn cưỡng nhận lời cho họ vui lòng, mà lòng thì vẫn chưa quả quyết. Đến khi dỡ miếu, trên cây đòn dông chính có đóng phụ vào một tấm ván, tuy mỗi mọt đã ăn mòn nhưng chữ khắc vẫn còn rõ, chỉ vì muối khói hương đèn lâu ngày làm tối mờ. Bỏ nhẹ tay chùi rửa rồi xem kỹ, thì thấy nước sơn vẫn dày dặn bền bỉ, nét chữ rõ ràng, mặt trước kê tên 8 người chủ hội, trong ấy có tên họ ông nội của tôi thần, kỳ dư còn tên nhiều người nữa, đều không biết đó là ai, mặt sau khắc: ngày tốt tháng 4 năm Giáp Tý, niên hiệu Chính Hòa thứ 5 (1684). Cây đòn dông bên trái có một tấm ván khắc tên 11 người chủ hội, trong ấy có tên họ cha tôi thần, mặt sau khắc: ngày tốt tháng 2 năm Quý Hợi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 4 (1743) nên tôi thần bâng hoàng hồi lâu, trong lúc đó có đông người dành xem, rồi lại tấm ván ấy liền tự rã ra, tôi thần đem tới trước miếu khấn*

vái rồi đốt đi. Tôi thần chạnh nghĩ rằng: thần linh với nhà tôi thần đã 3 đời có túc duyên, tôi thần này đầu đám không hoàn thành ước nguyện tha thiết của đời trước? Nên tôi thần cố kêu gọi mọi người cùng làm, sửa mới đắp lại pho tượng, sửa sang đồ thờ phụng, nay cũng đã tạm đầy đủ. Vây xin ghi vào đây” ⁽⁷⁾.

Ngày nay chúng ta được biết lịch sử miếu Quan Đế ở Cù Lao Phố xây dựng từ năm 1684, trùng tu lần 1 vào năm 1743, và tái thiết năm 1817; là từ tài liệu chép trong *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức.

Một chi tiết khác được đề cập trong *Gia Định thành thông chí* như sau:

“*Tháng 4 mùa hạ năm thứ 32 Kỷ Mùi (1679)... quan Tổng binh thủy lục trấn thủ các xứ ở Long Môn thuộc Quảng Đông nước Đại Minh là Dương Ngạn Địch và Phó tướng Hoàng Tấn, quan Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm là Trần Thắng Tài, Phó tướng Trần An Bình dẫn quân và gia nhân hơn 3000 người cùng chiến thuyền hơn 50 chiếc, chạy sang nước Nam nguyên được làm dân mọn..., triều đình mới tổ chức khao đãi ân cần, chuẩn y cho giữ nguyên chức hàm, phong cho quan tước rồi lệnh cho tới Nông Nại (Đồng Nai) làm ăn, gắng sức khai thác đất đai. Mặt khác, triều đình còn hạ chỉ dụ cho Quốc vương Cao Miên (Thủy Chân Lạp) biết việc ấy để không xảy ra chuyện ngoài ý muốn. Được lệnh, các ông Dương, Trần vào Kinh tạ ơn rồi phụng chỉ lên đường. Bọn tướng Long Môn họ Dương đem binh thuyền tiến nhanh vào cửa Xoài Rạp, và cửa Đại của Tiểu (thuộc trấn Định Tường) dừng trú tại xứ Mỹ Tho. Bọn tướng các xứ Cao, Lô, Liêm họ Trần thì đem binh thuyền tiến vào cửa Cần Giờ rồi đồn trú tại xứ Bàn Lân thuộc Đồng Nai (nay là Biên Hòa)*” ⁽⁸⁾.

Định cư được một thời gian ngắn thì nhóm lưu dân cùng chung sức xây dựng Miếu Quan Đế, thờ Quan Vân Trường - Ông là một vị thánh nhân có tầm ảnh hưởng sâu rộng đối với cộng đồng, là hình tượng đại diện cho sự uy nghiêm, thịnh vượng và chính trực.

Lúc bấy giờ ngoài hai nhóm lưu dân nhà Đại Minh, được chính sử ghi chép trên thì vùng đất Thủy Chân Lạp này đã có lưu dân từ nơi khác thâm nhập. Họ có thể là những cố nông đi tìm đất mới, tội đồ bỏ trốn, người tránh sưu thuế nặng nề, trốn binh dịch; là những người thích phiêu lưu, mạo hiểm và cả những nhóm dân Công giáo bị chánh quyền đương thời bức đạo, đe dọa tính mạng, nên bỏ chạy vào đây, nơi còn hoang vắng, thoát vòng cương tỏa để giữ lấy đức tin.

7. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*. Hậu học Lý Việt Dũng dịch và chú giải- Tiến sĩ Huỳnh Văn Tới hiệu đính và giới thiệu- Nxb Tổng Hợp Đồng Nai 2005, sdd, tr. 236.

8. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*. Hậu học Lý Việt Dũng dịch và chú giải- Tiến sĩ Huỳnh Văn Tới hiệu đính và giới thiệu- NXB Tổng Hợp Đồng Nai 2005, sdd, tr.110.

Trong 1 bản đồ mang tên: “Giáp Ngọ niên bình Nam đồ”⁹, được các nhà nghiên cứu gần đây khảo cứu. Thông tin trong bản đồ ghi nhận vùng này, [hậu bán thế kỷ 17] lúc bấy giờ có hai nhóm người Hoa từ Quảng Đông và Phúc Kiến, định cư bên hai bờ sông Tiền, và có sự hiện diện của ba thuyền lính Quảng Nam trú đóng gần Thành của phó Vương Nặc Nộn ở Sài Côn [vùng Chợ lớn ngày nay].

3. Miếu Quan Đế qua các thời kỳ

3.1 Xây dựng và trùng tu, tái thiết

Theo tài liệu của Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu^[2], cơ sở tín ngưỡng này được xây dựng, trùng tu, tái thiết qua nhiều thời kỳ:

- 1/ Xây dựng năm Giáp Tý – 1684.
- 2/ Trùng tu năm Quý Hợi – 1743 (lần thứ 1).
- 3/ Đại trùng tu năm Đinh Sửu – 1817 (lần thứ 2).
- 4/ Trùng tu năm Mậu Thìn – 1868 (lần thứ 3).
- 5/ Trùng tu năm Giáp Ngọ – 1894 (lần thứ 4).

Sau đó trùng tu Quan Âm Các (phía sau miếu) năm 1927, tiếp sau là các đợt tu sửa nhỏ, trang trí nội thất nhiều lần 1944, 1947...

Từ sau năm 1975 đến trước năm 2005, Thất Phủ cổ miếu gần như không được tu sửa gì lớn, nếu có thì chỉ xử lý mối mọt, sơn mới tường, tượng thờ, bao lam, hoành phi, liễn đối với nguồn kinh phí không đáng kể.

Đến năm 2005 – 2006, Quan Âm Các được xây dựng mới toàn bộ theo kiến trúc truyền thống của người Trung Hoa.

- 6/ Đại trùng tu năm Mậu Tý – 2008 (lần thứ 5)

Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu và bốn bang người Hoa Biên Hòa tiến hành đại trùng tu toàn bộ ngôi miếu với kinh phí trên 9 tỷ đồng (thời giá năm 2008). Nguồn kinh phí trùng tu được xã hội hóa từ cộng đồng người Hoa và người Việt ở Biên Hòa (Đồng Nai), Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương cùng các tỉnh thành lân cận; một số người Hoa ở Hà Nội và các tỉnh phía Bắc cũng tham gia đóng góp.

3.2 Khảo tả

- 1-Xây dựng năm Giáp Tý – 1684.

Khởi thủy do 8 người hội chủ bang hội trong đó có ông nội của Trịnh Hoài Đức cùng một số người khác đứng tên cho công trình xây cất miếu Quan Đế.

- 2- Trùng tu năm Quý Hợi – 1743 (lần thứ 1)

Sau 59 năm thì miếu được trùng tu, trong 11 người

hội chủ bang hội có cha của quan Trịnh Hoài Đức.

- 3- Đại trùng tu năm Đinh Sửu – 1817 (lần thứ 2)

Biến loạn chiến tranh, Cù lao Phố bị tàn phá khốc hại, mặc dù còn tồn tại do là miếu chung của Phố, nhưng lúc ấy dân chúng xiêu tán tứ phương, rồi tiếp đến trận lụt năm 1799, khiến miếu bị hư hại nặng nề.

Trong *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (1806) ghi chép về dinh Trấn Biên; ngoài các di tích cổ được liệt kê: Điện Văn Thánh ở Bình Thành, Tân Lại; Chùa núi (Bửu Phong tự) ở thôn Bình Điện, miếu Quan Đế ở thôn Bình Thảo chợ Bến Cá, chùa Sắc Tứ thôn Tân Phước, chùa cổ Vải Lượm (bị hư hỏng), miếu Long Vương ở thôn Phước Hoà. Riêng ở khu vực Cù Lao Phố chỉ thấy ghi chép về miếu Chương cơ Lễ Thành Hầu: “miếu ở bờ phía bắc trông ra sông, Ông là biên tướng thời tiền triều, ngày trước từng giao chiến với Cao Miên rồi chết trận, triều đình sai lập miếu này để thờ, tặng là khai quốc công thần, muôn thuở cúng tế, ngày nay vẫn vậy, lại được dự lễ quốc tế như cũ...”¹⁰

Xét theo tài liệu trên, có thể sau khi chịu đại nạn “thủy, hỏa, đạo, tặc” thì miếu Quan Đế đã hư hỏng hoàn toàn, cỏ cây che lấp nên đã không được ghi chép trong *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (1806) chăng?

Sau chiến tranh (1802) dân chúng lần hồi trở về bôn quán, xây dựng lại quê hương: “... hai bên đường là nhà tranh nhà ngói xen nhau, dân cư rất trù mật, đến bến đò, sông rộng 164 tấc, tục gọi là sông Đồng Nai, bến đò tục gọi là bến đò Cù Lao Phố¹¹. Đến năm 1817, dân sở tại cậy nhờ quan Trịnh Hoài Đức làm chủ trì, tái thiết xây dựng lại miếu Quan Đế.

- 4- Trùng tu năm Mậu Thìn – 1868 (lần thứ 3)

Từ đợt đại trùng tu năm 1817 đến đợt trùng tu năm 1868; trải qua 50 năm, Biên Hoà hứng chịu hai cuộc chiến:

+ Lực lượng của Lê Văn Khôi từ Thành Gia Định đánh chiếm 3 đợt (1833)

Trận này chưa thấy tài liệu ghi nhận Cù Lao Phố và Miếu Quan Đế có bị ảnh hưởng cuộc chiến hay không.

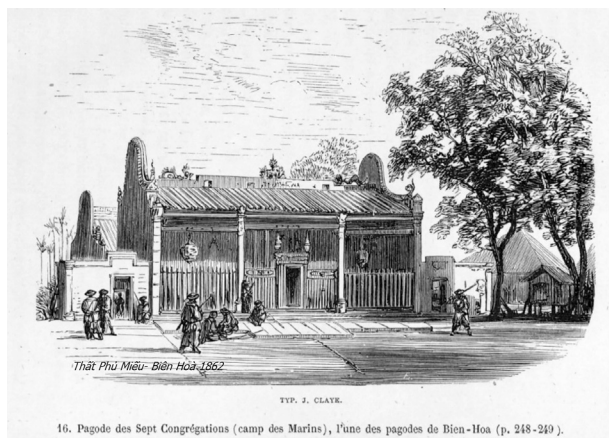
+ Liên quân Pháp đánh chiếm tỉnh Biên Hoà (1861).

Trong tài liệu của Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu, dựa theo thông tin của 1 tấm bia đá ốp vào tường tiền điện ghi tên những người đóng góp tiền của trùng tu có ghi niên đại “Đồng Trị Mậu Thìn” (năm 1868), chỉ ra đây là lần trùng tu lần thứ ba.

9. *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư và Giáp Ngọ Niên Bình Nam Đồ*. Tạp chí nghiên cứu và phát triển số 2 năm 2014 tr.88.

10. Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Phan Đăng dịch, Nxb NXB Thuận Hoá 2005, tr. 300.

11. Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Phan Đăng dịch, Nxb NXB Thuận Hoá 2005, tr. 87.



16. Pagode de Sept Congrégations (camp des Marins), l'une des pagodes de Bien-Hoa (p. 248-249).
 Tranh vẽ Thất Phủ Miếu Biên Hoà trong sách xuất bản tại Paris năm 1862; có thể đây là kiến trúc nguyên bản của Miếu trong lần đại trùng tu năm 1817

Khi chiếm được tỉnh Biên Hoà một trại lính thủy đánh bộ của liên quân (camp des Marins) được dựng cạnh Thất phủ miếu (Pagodes de Sept Congrégation); 1 ảnh vẽ trong sách xuất bản tại Paris năm 1862 cho ta thấy kiến trúc của Miếu Quan Đế¹², như vậy theo các tài liệu trên, có thể kiến trúc của Miếu Quan Đế trong hình vẽ năm 1862, chính là nguyên bản Miếu được trùng tu năm 1817.

5- Trùng tu năm Giáp Ngọ - 1894 (lần thứ 4)

Trong một tấm bia đá khắc trong miếu khắc tên “Thất Phủ Cổ Miếu” và các bức gổm men xanh trang trí trên nóc ngôi miếu... đều ghi niên đại “Quang Tự Giáp Ngọ” (1894). Có lẽ đây là niên đại trùng tu cuối cùng của ngôi miếu, mang lại dáng dấp như ngày nay.

Bên cạnh đó, miếu còn trải qua nhiều lần tái thiết, tu sửa trang trí nhỏ:

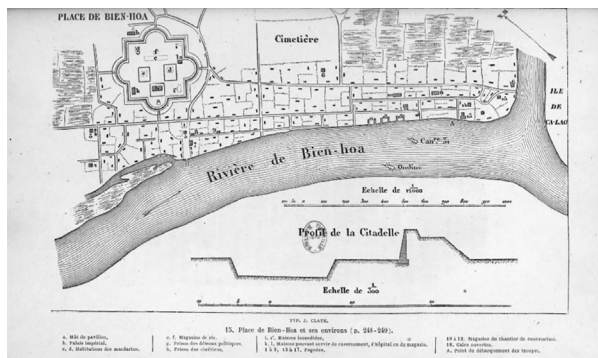
- Quan Âm Các (phía sau miếu) do ông Bang Ngẫu tái thiết lại năm 1927.

- Trên một số hoành phi liễn đối, bao lam trong miếu có ghi: “Dân Quốc năm thứ 33”, “Dân Quốc năm thứ 36”... cho thấy đây là các đợt tu sửa nhỏ, trang trí nội thất vào các năm 1944, 1947...^[2]

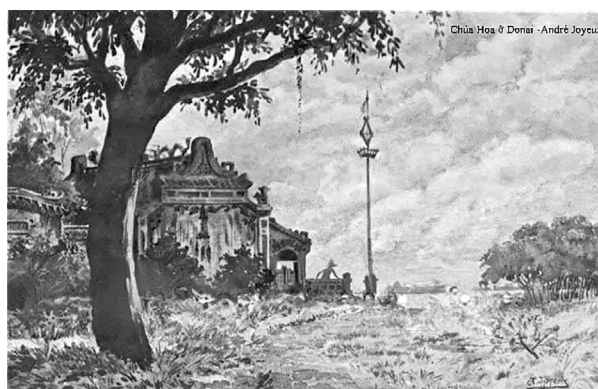
6- Đại trùng tu năm Mậu Tý – 2008 (lần thứ 5)

Từ sau năm 1975 đến trước năm 2005, Thất Phủ cổ miếu gần như không được tu sửa gì lớn, nếu có thì chỉ xử lý mối mọt, sơn mới tường, tượng thờ, bao lam, hoành phi, liễn đối với nguồn kinh phí không đáng kể.

Năm 2007, trước tình trạng xuống cấp của miếu, Ban trị sự miếu cùng Ban quản lý di tích danh thắng



Cù Lao Phố nằm bên góc phải tranh, trong sách xuất bản tại Paris năm 1862



Tranh vẽ Thất phủ Miếu đầu thế kỷ 20 của André Joyeux, ông là giáo sư trường Bá Nghệ Biên Hoà từ năm 1910-1913

tỉnh, họp bàn và đi đến quyết định đại trùng tu toàn bộ ngôi miếu.

Năm 2008, Ban trị sự Thất Phủ cổ miếu, cùng 4 bang người Hoa ở Biên Hoà tiến hành trùng tu, tôn tạo miếu, với tổng kinh phí trên 9 tỷ đồng (thời giá năm 2008) do cộng đồng người Hoa và người Việt ở Biên Hoà – Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh cùng các tỉnh thành lân cận và cả một số người Hoa ở Hà Nội, các tỉnh phía Bắc cùng đóng góp^[2]

3.3 Cổ Vật

Trong số các cổ vật hiện còn lưu lại tại miếu, thì cổ vật được ghi chép trong thư tịch là 4 con lân đá:

“...phía ngoài có tường gạch bao quanh, bốn góc có 4 con lân bằng đá ngồi xồm”¹³. Hiện tại các con lân này nằm ngoài khuôn viên miếu. Đi kèm với 4 tượng lân nói trên còn có 4 mốc địa giới để đánh dấu ranh đất của miếu trước kia^[8].

12. Tableau de la Cochinchine: rédigé sous les auspices de la Société d'ethnographie- A.Le Chevalier. Paris năm 1862. ảnh số 16 tr. 248& 249

13. Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí. Hậu học Lý Việt Dũng dịch và chú giải- Tiến sĩ Huỳnh Văn Tới hiệu đính và giới thiệu, Nxb Tổng Hợp Đồng Nai 2005, sđd, tr. 236.

Chính điện tượng Quan Đế, được tạc bằng gỗ mít trong đợt đại trùng tu năm 1817, trước bàn thờ chánh là một bàn đá chạm nổi “Long Phụng Thủy” làm năm 1894, giữa chánh điện là 1 bàn vọng làm bằng gỗ trai, do ông Trần Thiên Thành hi tạc năm 1752. Lâu thuyền trước nghi môn được mang từ quê hương Trung Hoa sang vào năm 1894. Ở thiên tinh có lư gang lớn năm 1894, và nhiều liễn đối, bao lam trong chánh điện, quần thể tiểu tượng gốm trên bờ nóc mái... có tuổi đời hơn trăm năm.

4. Thay lời kết

Miếu Quan Đế Biên Hoà (Thất phủ cổ miếu, chùa Ông Cù Lao Phố) được kiến lập từ thuở ban sơ khai thác vùng Nam bộ, đến nay đã trải qua lịch sử gần 340 năm; nhưng luôn được cộng đồng người Hoa và người Việt tôn tạo gìn giữ, trở thành một biểu tượng văn hóa, tâm linh gắn kết của cộng đồng người Hoa và văn hóa dân tộc Việt Nam. Di tích Miếu Quan Đế Biên Hoà (Thất phủ cổ miếu, chùa Ông Cù Lao Phố) là một di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc độc đáo, được xem là cơ sở tín ngưỡng đầu tiên của người Hoa trên cả vùng Nam bộ; đã được xếp hạng di tích ở cấp quốc gia theo Quyết định số 04/2001/QĐ của Bộ Văn hóa thông tin ngày 19/02/2001.

Hiện nay, lễ hội tại chùa Ông diễn ra với nhiều hoạt động văn hóa tín ngưỡng đặc sắc, thu hút nhiều người dân khắp nơi đến tham quan, lễ bái. Lễ hội chùa Ông lần thứ nhất diễn ra từ ngày 19 đến 22/02/2013 (từ mùng 10 đến 13 tháng Giêng âm lịch năm Quý Tỵ). Lễ hội là dịp để nhân dân chiêm bái và ngưỡng vọng các bậc tiền hiền đã có công mở mang, xây dựng vùng đất Biên Hoà- Đồng Nai, qua đó thể hiện nét đẹp trong giao lưu văn hóa của các cộng đồng dân tộc ở địa phương. Năm 2023, lễ hội truyền thống chùa Ông, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 3440/QĐ-BVHTTDL ngày 10/11/2023 do Bộ trưởng Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Hùng ký.

Miếu Quan Đế Biên Hoà cổ miếu ngày nay tọa lạc trên 1 cù lao, được con sông Đồng Nai ôm quanh; Miếu được ngăn cách với bên ngoài bởi vòng tường gạch. Mặt tiền miếu ra sông lớn, trước cổng tam quan có cây si cổ sum suê toả bóng mát, gió lộng, nước trong xanh, bốn mùa mát rượi. Tất cả đã tạo cho ngôi miếu một quang cảnh thoáng mát, nên thơ nhưng cũng thật thâm u, cổ kính. Ngôi miếu là chứng nhân lịch sử, gợi nhớ về thuở mở cõi, khai thác... hơn 300 năm trước của tiền nhân./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Đại Nam Thực Lục*, Nxb. Giáo Dục năm 2007.
- [2] Ban Trị Sự Thất Phủ Cổ Miếu, *Thất phủ cổ miếu*, Nxb. Đồng Nai 2010.
- [3] Bản dịch, hiệu đính và chú thích của Nguyễn Khắc Thuần, *Phủ Biên Tạp Lục*, Nxb Giáo Dục năm 2008.
- [4] Bản dịch mới của Hoàng Văn Lâu, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Lao Động, Trung Tâm Văn Hoá Ngôn Ngữ Đông Tây 2012.
- [5] Phan Đăng dịch, chú giải và giới thiệu, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb Thuận Hoá, Trung Tâm Văn Hoá Ngôn Ngữ Đông Tây năm 2005.
- [6] Hậu học Lý Việt Dũng (dịch và chú giải) Tiến sĩ Huỳnh Văn Tới (hiệu đính và giới thiệu), *Gia Định thành thông chí*- Nxb Tổng Hợp Đồng Nai năm 2005.
- [7] *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư và Giáp Ngọ Niên Bình Nam Đồ*- Tạp chí nghiên cứu và phát triển số 2 năm 2014.
- [8] Bảo Tàng Đồng Nai, *Cù Lao Phố Lịch Sử và văn hoá*, Nxb Đồng Nai năm 1998.
- [10] *Tableau de la Cochinchine, Rédigé sous les auspices de la Société d'ethnographie- A. Le Chevalier*, Paris năm 1862.

Và 1 số tài liệu từ Internet:

- <https://gallica.bnf.fr/>
- <https://baodongnai.com.vn/>
- <https://nhandan.com.vn/>